

Số: /BC-UBND

Vĩnh Thông, ngày tháng 5 năm 2026

## BÁO CÁO

**Tiến độ triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao tại các Kế hoạch, Chương trình của tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Vĩnh Thông tháng 5/2026 (tính đến hết ngày 13/5/2026)**

Thực hiện Công văn số 381/KHCN-CĐS ngày 10/02/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên về việc báo cáo giám sát tình hình, kết quả lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; Công văn số 5036/UBND-KGVX ngày 09/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc đôn đốc triển khai triển khai các nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thông báo cáo tiến độ triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao tại các Kế hoạch, Chương trình của tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Vĩnh Thông (tính đến hết ngày 13/5/2026), cụ thể như sau:

### I. NỘI DUNG BÁO CÁO

#### 1. Về công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện

**1.1. Kết quả xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện các văn bản về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số năm 2026**

- UBND xã Vĩnh Thông đã ban hành các văn bản: Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 31/12/2025 về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã Vĩnh Thông giai đoạn 2025-2030, định hướng đến năm 2045; Kế hoạch số 38/KH-UBND ngày 03/02/2026 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị năm 2026 trên địa bàn xã Vĩnh Thông; Kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 27/02/2026 về việc triển khai thực hiện Chương trình "Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030" trên địa bàn xã Vĩnh Thông; Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 25/3/2026 về việc triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; Kế hoạch số 100/KH-UBND ngày 06/4/2026 về việc triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU ngày 11/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về "Phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030" năm 2026; Kế hoạch

số 93/KH-UBND ngày 02/4/2026 về triển khai thực hiện Quyết định số 11/QĐ-BCĐCP ngày 27/02/2026 của Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 về ban hành Kế hoạch hoạt động năm 2026.

- Trong thời gian tới, UBND xã sẽ tiếp tục rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch (nếu có) theo nội dung hướng dẫn tại Công văn số 315-CV/VPTW ngày 06/02/2026 của Văn phòng Trung ương Đảng và chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

- Đánh giá Kế hoạch ban hành: Các Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở bám sát các nhiệm vụ, giải pháp theo chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực tế của địa phương; trong đó đã chủ động đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện của xã. Nội dung kế hoạch xác định rõ nhiệm vụ, phân công cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện, thời hạn hoàn thành và kết quả dự kiến, bảo đảm nguyên tắc “rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn”. Đồng thời, kế hoạch xác định một số nhiệm vụ trọng tâm cần tập trung triển khai trong năm 2026, làm cơ sở để các bộ phận chuyên môn tổ chức thực hiện và bố trí nguồn lực phù hợp.

### ***1.2. Thống kê số cuộc họp/Phiên họp của Ban Chỉ đạo/Thường trực Ban Chỉ đạo/lãnh đạo Ban Chỉ đạo với Thường trực Tổ Giúp việc và các cơ quan liên quan***

Từ đầu năm 2026 đến ngày 13/5/2026, địa phương chưa phát sinh cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo hoặc lãnh đạo Ban Chỉ đạo với Thường trực Tổ giúp việc và các cơ quan liên quan.

### ***1.3. Thống kê các nhiệm vụ thực hiện***

- Tổng số nhiệm vụ được UBND tỉnh giao (theo Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 09/4/2026; Kế hoạch số 209/KH-UBND ngày 31/12/2025): 10 trong đó số nhiệm vụ đã hoàn thành: 4, tỷ lệ 40%; số nhiệm vụ hoàn thành đúng hạn: 4, số nhiệm vụ hoàn thành quá hạn: 0; số nhiệm vụ đang thực hiện đúng hạn: 6; số nhiệm vụ quá hạn chưa hoàn thành: 0.

- Đánh giá kết quả thực hiện: Các nhiệm vụ được giao đã được tổ chức triển khai nghiêm túc, đồng bộ, bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ theo Kế hoạch đã ban hành. Nội dung thực hiện bám sát mục tiêu, yêu cầu của Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản chỉ đạo của cấp trên; các nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi được xác định rõ lộ trình, phân công trách nhiệm cụ thể, có sản phẩm, kết quả thực hiện rõ ràng. Không phát sinh nhiệm vụ chậm tiến độ hoặc chưa hoàn thành.

### ***1.4. Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua Hệ thống pagn.nq57.vn và các kênh có liên quan***

Tổng số PAKN, SKGP đã nhận được: 0.

Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thông không nhận được phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp nào về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số do cấp có thẩm quyền chuyển đến qua Hệ thống pakn.nq57.vn hoặc các kênh liên quan.

Số PAKN, SKGP đã giải quyết: 0.

Số PAKN, SKGP tồn đọng/chưa được giải quyết: 0.

Hiện nay, việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Hệ thống pakn.nq57.vn được thực hiện tập trung ở cấp tỉnh; cấp xã thực hiện xử lý khi có nội dung được chuyển giao theo thẩm quyền. UBND xã Vĩnh Thông đã quán triệt cán bộ, công chức theo dõi, sẵn sàng phối hợp xử lý kịp thời khi phát sinh nội dung thuộc phạm vi quản lý.

## **2. Về hoàn thiện thể chế, quy định, quy trình**

### **2.1. Tình hình, kết quả thực hiện**

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại địa phương, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thông đã tổ chức rà soát các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phạm vi quản lý; kịp thời tham gia ý kiến đối với các dự thảo văn bản do cấp trên gửi xin ý kiến theo quy định.

- Nội dung góp ý tập trung vào tính khả thi trong tổ chức thực hiện ở cấp cơ sở, bảo đảm phù hợp điều kiện thực tiễn tại địa phương.

### **2.2. Nhận xét, đánh giá**

- Ưu điểm: Công tác rà soát, tham gia góp ý văn bản được duy trì nền nếp, bảo đảm quy trình, góp phần nâng cao chất lượng tham mưu của địa phương trong lĩnh vực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; các ý kiến đề xuất cơ bản sát với điều kiện thực tiễn, hỗ trợ thuận lợi cho quá trình tổ chức thực hiện tại cơ sở.

- Tồn tại, hạn chế: Cấp xã không có thẩm quyền trực tiếp hoàn thiện thể chế nên vai trò chủ yếu là tham gia góp ý; một số nội dung chuyên môn sâu cần có hướng dẫn cụ thể hơn từ cơ quan chuyên môn cấp trên.

- Giải pháp: Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác rà soát, tham gia góp ý; chủ động phản ánh những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện để cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh.

- Trách nhiệm: Phòng Văn hóa - Xã hội chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thông trong việc tổ chức rà soát văn bản, tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện; tham gia góp ý đầy đủ, kịp thời, bảo đảm chất lượng đối với các dự thảo cơ chế, chính sách khi được lấy ý kiến; đồng thời chủ động đề xuất kiến nghị phù hợp với thực tiễn địa phương theo quy định.

### **3. Về bảo đảm nguồn nhân lực**

#### **3.1. Tình hình, kết quả thực hiện**

- Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu; nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động:

Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thông đã ban hành Kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, tập huấn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và an toàn thông tin trên địa bàn xã; hình thức đào tạo dự kiến thực hiện trực tiếp hoặc trực tuyến theo từng chuyên đề phù hợp với từng lĩnh vực. Trong kỳ báo cáo, xã chưa tổ chức lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu hoặc tập huấn tập trung, chủ yếu cử cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, an toàn thông tin và kỹ năng sử dụng các nền tảng số do cấp trên tổ chức.

- Kết quả khắc phục việc nhân sự công nghệ thông tin và chuyển đổi số còn thiếu và yếu:

Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thông đã bố trí 01 cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, có trình độ chuyên môn về công nghệ thông tin. Việc bố trí nhân sự cơ bản bảo đảm đầu mối tham mưu, theo dõi và triển khai các nhiệm vụ về công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại địa phương.

- Việc tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, người dân và phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng: Trong kỳ báo cáo, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thông chưa tổ chức lớp tập huấn tập trung mới về kỹ năng số cho cán bộ và người dân (dự kiến sẽ triển khai trong tháng 5, tháng 6/2026).

#### **3.2. Nhận xét, đánh giá**

- Đánh giá kết quả, chất lượng sau đào tạo, bồi dưỡng:

Đội ngũ cán bộ chuyên trách chuyển đổi số, cán bộ phụ trách an toàn thông tin và cán bộ, công chức xã sau khi tham gia các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức đã cơ bản nắm vững quy trình, kỹ năng sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số phục vụ công tác chuyên môn. Nhân lực hiện có cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại cấp xã (đạt khoảng trên 90% yêu cầu theo chức năng, nhiệm vụ được giao).

Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin phát huy tốt vai trò tham mưu, triển khai nhiệm vụ kỹ thuật; cán bộ phụ trách an toàn thông tin thực hiện nghiêm túc công tác theo dõi, phối hợp bảo đảm an toàn hệ thống. Tuy nhiên, đối với các nội dung chuyên sâu, phức tạp vẫn cần được bồi dưỡng nâng cao thêm.

- Ưu điểm: Đã bố trí 01 cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin; có phân công cán bộ phụ trách an toàn thông tin rõ ràng. Công tác cử cán bộ tham gia đào tạo, bồi dưỡng được thực hiện đầy đủ, kịp thời; duy trì hoạt động thường xuyên của Tổ công nghệ số cộng đồng, góp phần hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ số.

- Tồn tại, hạn chế: Trong kỳ báo cáo, xã chưa tổ chức lớp tập huấn tập trung theo Kế hoạch do thực hiện theo lộ trình; lĩnh vực an toàn thông tin hiện do cán bộ phụ trách kiêm nhiệm, chưa có nhân sự chuyên sâu riêng; kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là nhóm cao tuổi, còn cần được tiếp tục hướng dẫn, hỗ trợ.

- Khó khăn, vướng mắc: Biên chế cấp xã hạn chế; yêu cầu nhiệm vụ chuyển đổi số ngày càng cao, đòi hỏi kiến thức chuyên sâu và cập nhật thường xuyên.

- Giải pháp: Tổ chức triển khai các lớp tập huấn theo đúng Kế hoạch đã ban hành; tiếp tục cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo chuyên sâu; tăng cường tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức mới; phát huy hơn nữa vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn người dân thực hành trực tiếp.

- Trách nhiệm: Phòng VH-XH chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thông trong việc bố trí, sử dụng và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số; tổ chức thực hiện các nội dung đào tạo, bồi dưỡng theo đúng Kế hoạch; kịp thời khắc phục những hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện.

#### **4. Về tài chính, kinh phí cho KHCCN, ĐMST, CDS**

##### ***4.1. Tình hình, kết quả thực hiện***

- Việc đề xuất nhiệm vụ, kinh phí cho KHCCN, ĐMST, CDS trong năm 2026: Đến thời điểm báo cáo nhu cầu bổ sung kinh phí năm 2026 là: 0 tỷ đồng; đã được phân bổ: 0,316 tỷ đồng, còn lại bao nhiêu chưa phân bổ: 0 đồng.

- Về phân bổ và giải ngân vốn: Tổng kinh phí đã được phân bổ năm 2026: 0,316 tỷ đồng; đã giải ngân: 0 đồng, tỷ lệ (trong đó: KHCCN, ĐMST là: 0 tỷ đồng; CDS là: 0,316 tỷ đồng). Tổng kinh phí đã được phân bổ đến thời điểm báo cáo: 0,316 tỷ đồng; đã giải ngân bao nhiêu: 0 đồng, tỷ lệ (trong đó: KHCCN, ĐMST là: 0 tỷ đồng; CDS là: 0,316 tỷ đồng).

- Việc rà soát và triển khai thực hiện các giải pháp đột phá để phát triển KHCCN, ĐMST thông qua việc tháo gỡ các điểm nghẽn về cơ chế tài chính:

Ủy ban nhân dân xã đã rà soát các nội dung chi, bảo đảm bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

Trong quá trình triển khai, xã chủ động lồng ghép các nhiệm vụ KHCCN, ĐMST, CDS vào các chương trình, kế hoạch chuyên môn; ưu tiên bố trí kinh phí cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn lực được giao. Đối với những nội dung vượt thẩm quyền, xã kịp thời tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, hướng dẫn.

- Việc triển khai thực hiện quản lý tài chính theo cơ chế Quỹ:

Cấp xã không tổ chức Quỹ phát triển khoa học và công nghệ; việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS được thực hiện theo cơ chế ngân sách nhà nước hiện hành.

Nguyên nhân: Theo phân cấp quản lý tài chính, cấp xã không có thẩm quyền thành lập và vận hành Quỹ chuyên ngành; nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm.

#### **4.2. Nhận xét, đánh giá**

- Kinh phí được bố trí năm 2026 là 316 triệu đồng, cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai các nhiệm vụ KHCN, ĐMST, CDS theo kế hoạch của địa phương; tạo điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức các hoạt động đào tạo, tập huấn, duy trì hạ tầng kỹ thuật và triển khai các nền tảng số.

- Về chủ động đề xuất nhiệm vụ: Xã đã thực hiện đăng ký nhu cầu và xây dựng dự toán đúng thời hạn, bảo đảm theo quy định; không để xảy ra tình trạng chậm trễ do nguyên nhân chủ quan.

- Về bố trí vốn và tiến độ giải ngân: Kinh phí được phân bổ kịp thời; việc sử dụng, giải ngân thực hiện đúng quy định, không ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nhiệm vụ.

- Ưu điểm: Chủ động trong công tác lập dự toán; phân bổ, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo đảm công khai, minh bạch.

- Tồn tại, hạn chế: Nguồn kinh phí tuy đã được bố trí nhưng còn hạn chế so với yêu cầu phát triển toàn diện các lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS trong giai đoạn mới.

- Giải pháp: Tiếp tục sử dụng hiệu quả nguồn kinh phí được giao; lồng ghép các nguồn lực hợp pháp khác; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, có tính lan tỏa cao.

- Trách nhiệm: Phòng VH-XH chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thông chịu trách nhiệm trong việc quản lý, sử dụng nguồn kinh phí 316 triệu đồng đúng quy định, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm, phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại địa phương.

### **5. Về chuyển đổi số**

#### **5.1. Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị**

##### **5.1.1. Về hạ tầng số dùng chung**

a) Tình hình kết quả thực hiện

- **Việc rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện phục vụ chuyển đổi số:**

+ UBND xã đã chủ động rà soát hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan, đơn vị. Hệ thống đường truyền internet và kết nối mạng cơ bản ổn định, đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung. Đa số cán bộ, công chức được trang bị máy tính có cấu hình đáp ứng

yêu cầu tối thiểu và các thiết bị làm việc thiết yếu, phục vụ xử lý công việc trên môi trường điện tử; đồng thời được cấp và sử dụng chữ ký số cá nhân theo quy định.

+ Về nhân sự, xã bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại địa phương. Tuy nhiên, do điều kiện biên chế của cấp xã còn hạn chế, cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số hiện vẫn phải kiêm nhiệm thêm một số nhiệm vụ chuyên môn khác, song cơ bản vẫn bảo đảm tham mưu, triển khai các nhiệm vụ liên quan theo yêu cầu.

**- Việc gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ cấp độ Mật, Tối mật:**

Việc gửi, nhận văn bản và xử lý hồ sơ điện tử tại địa phương được thực hiện thông qua các hệ thống thông tin, mạng truyền số liệu chuyên dùng theo quy định. Đối với các văn bản có độ mật, việc quản lý, trao đổi và xử lý được thực hiện theo đúng quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền, bảo đảm an toàn thông tin trong quá trình xử lý và lưu trữ.

**- Việc nâng cấp đường truyền Internet:**

Hệ thống đường truyền Internet tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã được duy trì ổn định, bảo đảm phục vụ hoạt động quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Trên địa bàn xã không có khu vực vùng sâu, vùng lõm chưa được cung cấp dịch vụ Internet cáp quang; tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps đạt 100%.

**- Việc bố trí kinh phí để nâng cấp, thay thế hoặc bổ sung trang thiết bị CNTT đã xuống cấp:** Chủ động rà soát hiện trạng trang thiết bị công nghệ thông tin; bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách để bảo trì, sửa chữa, thay thế các thiết bị xuống cấp theo lộ trình, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Trong kỳ báo cáo không phát sinh nhu cầu đầu tư, nâng cấp lớn ngoài kế hoạch.

**- Việc khắc phục triệt để tình trạng còn lỗi của các hệ thống thông tin:** Các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung được vận hành ổn định; khi phát sinh lỗi kỹ thuật, xã kịp thời phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên và đơn vị cung cấp dịch vụ để xử lý, không để ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn.

+ Số lượng thôn chưa có điện và sóng di động: Hiện nay, 100% thôn trên địa bàn xã đã được cấp điện lưới quốc gia. 95% thôn được phủ sóng di động 4G.

**- Việc cấp chứng thư số chuyên dùng:** Kịp thời đề nghị Ban Cơ yếu Chính phủ cấp đầy đủ chứng thư số cho lãnh đạo và cán bộ chuyên môn của các phòng chuyên môn, đơn vị sự nghiệp thuộc UBND, bảo đảm phục vụ ký số văn bản điện tử và trao đổi văn bản trên môi trường mạng.

b) Nhận xét, đánh giá

\* Kết quả đạt được: Hạ tầng kỹ thuật cơ bản đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số; hệ thống Internet, điện, sóng di động phủ kín địa bàn; việc sử dụng chữ ký số được duy trì nền nếp; không phát sinh điểm nghẽn lớn về hạ tầng.

\* Tồn tại, hạn chế: Một số trang thiết bị công nghệ thông tin đã qua thời gian sử dụng, cấu hình chưa đồng bộ; việc xử lý sự cố kỹ thuật còn phụ thuộc vào hỗ trợ của đơn vị chuyên môn cấp trên.

\* Khó khăn, vướng mắc: Nguồn kinh phí đầu tư nâng cấp hạ tầng còn hạn chế; yêu cầu về an toàn thông tin và bảo mật ngày càng cao.

\* Giải pháp: Tiếp tục rà soát, đề xuất đầu tư, thay thế thiết bị theo lộ trình; tăng cường bảo trì, bảo dưỡng hệ thống; phối hợp chặt chẽ với cơ quan chuyên môn để xử lý kịp thời các lỗi phát sinh; nâng cao ý thức bảo đảm an toàn thông tin trong cán bộ, công chức.

\* Trách nhiệm: Phòng VH-XH chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã trong việc quản lý, vận hành, bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyên đổi số; kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế trong phạm vi thẩm quyền.

### 5.1.2. Về dữ liệu, nền tảng số

#### a) Tình hình kết quả thực hiện

- Việc chỉ đạo việc tạo lập và xử lý hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh mới thực hiện trên môi trường điện tử: UBND xã chỉ đạo cán bộ, công chức thực hiện tạo lập, xử lý hồ sơ công việc trên Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, từng bước nâng cao tỷ lệ xử lý công việc trên môi trường điện tử. Việc gửi, nhận văn bản điện tử có ký số được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

- 100% các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã gửi nhận văn bản trên môi trường điện tử có ký số.

- Việc chỉnh lý, số hóa các tài liệu lưu trữ của địa phương trước sáp nhập: Đối với tài liệu lưu trữ hình thành trước thời điểm sáp nhập đơn vị hành chính, việc số hóa chưa được triển khai đồng bộ, chủ yếu được quản lý, lưu trữ dưới dạng hồ sơ giấy theo quy định.

- Sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính, UBND xã đã tổ chức rà soát, sắp xếp, chỉnh lý tài liệu lưu trữ, đồng thời từng bước triển khai số hóa hồ sơ, tài liệu hình thành trong quá trình hoạt động của cơ quan, phục vụ công tác quản lý, khai thác và sử dụng trên môi trường điện tử. Đến nay, tài liệu lưu trữ phát sinh sau sáp nhập cơ bản được số hóa và quản lý theo quy định, góp phần nâng cao hiệu quả công tác lưu trữ và phục vụ công tác quản lý, điều hành.

- Số hoá 100% các quy trình nghiệp vụ nền tảng (lõi) của các cơ quan, đơn vị để đưa lên môi trường số: các quy trình nghiệp vụ chủ yếu của UBND xã đã được thực hiện trên các hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung của tỉnh (hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính...), góp phần từng bước số hóa quy trình xử lý công việc trên môi trường điện tử.

- Việc phối hợp rà soát các hệ thống thông tin, phần mềm, ứng dụng thuộc phạm vi quản lý bảo đảm giải quyết dứt điểm những vấn đề tồn tại, vướng mắc để thông suốt, đáp ứng yêu cầu người dùng: Đã hoàn thành.

- Việc khắc phục hạ tầng còn manh mún, thiếu chuẩn hóa: So với 06 tháng cuối năm 2025, hạ tầng công nghệ thông tin của xã cơ bản được ổn định hơn, hệ thống máy tính của cán bộ, công chức được trang bị cơ bản đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ xử lý công việc trên môi trường điện tử; việc sử dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống một cửa điện tử, thư điện tử công vụ và chữ ký số được duy trì thường xuyên, góp phần nâng cao hiệu quả xử lý công việc và từng bước chuẩn hóa quy trình làm việc trên môi trường số. Tuy nhiên, do điều kiện nguồn lực còn hạn chế, một số thiết bị công nghệ thông tin đã được trang bị từ các năm trước, cần tiếp tục được quan tâm nâng cấp trong thời gian tới để đáp ứng tốt hơn yêu cầu chuyển đổi số.

b) Nhận xét, đánh giá

\* Kết quả đạt được:

Công tác ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động của UBND xã từng bước được quan tâm triển khai; việc sử dụng các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh được duy trì thường xuyên; cán bộ, công chức từng bước nâng cao kỹ năng khai thác, sử dụng các phần mềm phục vụ công việc.

- Về các nền tảng, ứng dụng số đang triển khai: Các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung của tỉnh được triển khai tại UBND xã như hệ thống quản lý văn bản và điều hành, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, thư điện tử công vụ... cơ bản đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác quản lý, điều hành và giải quyết công việc. Việc khai thác, sử dụng các nền tảng từng bước được ổn định, góp phần khắc phục tình trạng xử lý công việc thủ công trước đây; khả năng kết nối, liên thông dữ liệu giữa các hệ thống từng bước được cải thiện.

- Về các nền tảng, ứng dụng số có nguy cơ lãng phí: Các hệ thống, nền tảng số hiện đang sử dụng tại UBND xã chủ yếu là các hệ thống dùng chung do cấp trên triển khai; cán bộ, công chức thường xuyên khai thác, sử dụng trong thực hiện nhiệm vụ, do đó không phát sinh nền tảng, ứng dụng số có nguy cơ lãng phí.

- Về việc khắc phục nội dung về hạ tầng: Hạ tầng công nghệ thông tin của xã từng bước được rà soát, củng cố và khai thác hiệu quả hơn so với trước đây; việc thống nhất sử dụng các hệ thống dùng chung của tỉnh đã góp phần hạn chế tình trạng manh mún, thiếu đồng bộ trong ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ quan.

- Về việc trang bị thiết bị và chữ ký số cho cán bộ, công chức: Đến nay, 100% cán bộ, công chức của xã đã được trang bị máy tính phục vụ công việc và

được cấp chữ ký số cá nhân, đáp ứng yêu cầu xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường điện tử theo quy định.

- Về việc xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử: Việc tạo lập, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử đã được quan tâm triển khai; tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên hệ thống quản lý văn bản và điều hành từng bước được nâng cao, góp phần nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành. Đối với các hồ sơ thuộc phạm vi bí mật nhà nước, việc quản lý, xử lý được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước.

\* Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc: Việc số hóa tài liệu lưu trữ trong một số giai đoạn chưa được thực hiện đồng bộ; một số thiết bị công nghệ thông tin đã được trang bị từ các năm trước, cấu hình còn hạn chế; cán bộ phụ trách công nghệ thông tin và chuyển đổi số phải kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ chuyên môn khác.

\* Nguyên nhân: Do điều kiện biên chế và nguồn lực của cấp xã còn hạn chế; kinh phí đầu tư cho hạ tầng công nghệ thông tin và chuyển đổi số còn khó khăn; khối lượng công việc tại cơ sở lớn trong khi nhân lực chuyên môn về công nghệ thông tin còn mỏng.

\* Giải pháp khắc phục: UBND xã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo trong triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng các hệ thống thông tin và nền tảng số dùng chung; từng bước rà soát, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin; tăng cường bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức.

\* Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế: Phòng VH-XH xác định trách nhiệm trong việc tham mưu chỉ đạo, tổ chức triển khai hiệu quả các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại địa phương; đồng thời tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thời gian tới.

### *5.1.3. Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến*

#### *a) Tình hình kết quả thực hiện*

- Việc thực hiện thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến từ tháng 01/01/2026 đến hết ngày 13/5/2026:

+ Tổng số TTHC: 358; số lượng TTHC trực tuyến toàn trình: 196, một phần: 162, trực tiếp: 0.

+ Tổng số hồ sơ tiếp nhận theo kỳ báo cáo: 404; Số lượng hồ sơ trực tuyến: 404, tỷ lệ: 100%.

- Tỷ lệ số hóa, tỷ lệ cấp kết quả điện tử, tỷ lệ tái sử dụng dữ liệu:

+ Số hóa: 404/404 hồ sơ đã giải quyết, tỷ lệ: 100%.

+ Cấp kết quả điện tử: 404/404 hồ sơ, tỷ lệ: 100%.

- + Tái sử dụng dữ liệu: 97,07%.
- Việc thực hiện TTHC không phụ thuộc địa giới hành chính:
- Địa phương đã công bố thực hiện 100% đối với TTHC thuộc phạm vi giải quyết và đã đi vào vận hành thực tế theo quy định.
- Đã số hoá đầy đủ hồ sơ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính để làm giàu dữ liệu và phục vụ tái sử dụng thông tin; thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ cung cấp thông tin một lần; tổ chức kiểm tra, giám sát trên môi trường số; trong kỳ báo cáo không có cán bộ, công chức, viên chức, người lao động yêu cầu người dân, doanh nghiệp nộp thêm giấy tờ trong trường hợp hệ thống thông tin phục vụ giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối, khai thác, sử dụng được dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

b) Nhận xét, đánh giá

\* Kết quả đạt được:

- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt 100%; trong đó, tỷ lệ hồ sơ phát sinh trực tuyến đạt 100%, cơ bản duy trì ở mức cao. Trong kỳ báo cáo, không phát sinh hồ sơ thủ tục hành chính của tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn.

- Công tác số hóa hồ sơ, cấp kết quả điện tử và tái sử dụng dữ liệu đạt tỷ lệ cao, góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, giảm yêu cầu cung cấp lại thông tin đã có trong hệ thống; không phát sinh biểu hiện lãng phí trong quá trình số hóa.

- Việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tuyến được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến và tái sử dụng dữ liệu duy trì ở mức cao; công tác công khai, minh bạch và trả kết quả điện tử được thực hiện đúng quy định.

\* Tồn tại, hạn chế: Kỹ năng số của một bộ phận người dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc khai thác hiệu quả dịch vụ công trực tuyến.

\* Khó khăn, vướng mắc: Trong quá trình khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, số liệu thống kê tại một số mục và chức năng báo cáo trên hệ thống chưa thực sự thống nhất, dẫn đến còn có sự chênh lệch giữa các biểu thống kê và với số liệu theo dõi, tổng hợp tại đơn vị; gây khó khăn trong quá trình đối chiếu và tổng hợp số liệu phục vụ công tác báo cáo. Đề nghị sở, ngành cấp tỉnh tiếp tục rà soát, tham mưu hoàn thiện hệ thống để bảo đảm tính chính xác, thống nhất của số liệu.

\* Nguyên nhân: Trong quá trình khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính, một số chức năng thống kê, tổng hợp số liệu trên hệ thống chưa thực sự đồng bộ giữa các biểu báo cáo, dẫn đến còn có sự chênh lệch khi theo dõi, tổng hợp số liệu tại đơn vị.

\* Giải pháp: Tiếp tục tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử; đồng thời khai thác hiệu quả các

dịch vụ công trực tuyến toàn trình đã được cung cấp. Thường xuyên rà soát, phản ánh những vướng mắc phát sinh trong quá trình sử dụng Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để các sở, ngành cấp tỉnh kịp thời tham mưu điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống, bảo đảm việc thống kê, tổng hợp số liệu được chính xác, thống nhất.

\* Trách nhiệm: Phòng VH-XH chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND trong việc tăng cường chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến tại địa phương; đồng thời tiếp tục đơn đốc, hướng dẫn cán bộ, công chức trong quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ trên môi trường điện tử, bảo đảm đúng quy định và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, tổ chức.

## **5.2. Về xã hội số**

### **a) Tình hình kết quả thực hiện**

- Việc tổ chức tập huấn, nâng cao kỹ năng số:

Trong kỳ báo cáo, UBND xã chưa tổ chức lớp tập huấn chuyên đề về nâng cao kỹ năng số, kỹ năng xử lý nghiệp vụ hành chính và văn hóa công chức cho cán bộ, công chức. Tuy nhiên, UBND xã đã quán triệt cán bộ, công chức chủ động nghiên cứu, khai thác các tài liệu hướng dẫn, nền tảng học tập trực tuyến do cấp trên cung cấp, đặc biệt là nền tảng "Bình dân học vụ số", từng bước nâng cao kỹ năng số phục vụ thực hiện nhiệm vụ trên môi trường điện tử.

- Việc duy trì, phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng:

Các Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã tiếp tục được duy trì hoạt động; phối hợp với các đoàn thể, thôn tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số như dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, ứng dụng số phục vụ đời sống.

- Các nhà văn hóa thôn được tận dụng làm điểm tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số và hỗ trợ người dân tiếp cận các dịch vụ số khi cần thiết.

- Về triển khai mô hình chuyển đổi số cấp xã:

UBND xã chủ động phối hợp triển khai các nhiệm vụ liên quan đến mô hình chuyển đổi số cấp xã (khi có chỉ đạo, hướng dẫn của cấp trên), từng bước ứng dụng các nền tảng số trong công tác quản lý, điều hành và phục vụ người dân, góp phần thúc đẩy phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số tại địa phương.

### **b) Nhận xét, đánh giá**

\* Kết quả đạt được: Công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số từng bước được quan tâm triển khai; hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn xã được duy trì, góp phần hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số. Việc khai thác các nền tảng số và tài liệu học tập trực tuyến, trong

đó có nền tảng “Bình dân học vụ số”, góp phần nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, công chức.

\* Tồn tại, hạn chế: Trong kỳ báo cáo, phòng VH-XH chưa tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề về nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức; việc phổ cập kỹ năng số trong cộng đồng dân cư còn hạn chế. Hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn người dân tiếp cận các dịch vụ số ở một số thời điểm chưa được thực hiện thường xuyên.

\* Khó khăn, vướng mắc: Điều kiện trang thiết bị, kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin của một bộ phận người dân còn hạn chế; nguồn lực phục vụ cho công tác chuyển đổi số tại xã còn khó khăn; lực lượng tham gia hỗ trợ chuyển đổi số tại các thôn chủ yếu kiêm nhiệm.

\* Nguyên nhân: Do điều kiện nhân lực của xã còn hạn chế, cán bộ phụ trách công tác chuyển đổi số chủ yếu kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực chuyên môn, khối lượng công việc lớn nên việc tham mưu, tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề về kỹ năng số chưa được triển khai thường xuyên.

\* Giải pháp khắc phục: Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về chuyển đổi số cho người dân bằng nhiều hình thức phù hợp; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong việc hướng dẫn người dân sử dụng các dịch vụ số; khuyến khích cán bộ, công chức chủ động nghiên cứu, nâng cao kỹ năng số, đồng thời đề nghị cấp trên tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên đề về chuyển đổi số cho cán bộ, công chức cấp cơ sở.

\* Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế: Phòng VH-XH chịu trách nhiệm trong việc tham mưu cho UBND tăng cường chỉ đạo, tổ chức triển khai các nhiệm vụ phát triển xã hội số tại địa phương; đồng thời tiếp tục phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh để từng bước khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả triển khai chuyển đổi số trong thời gian tới.

### ***5.3. Về an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ thông tin bí mật nhà nước***

#### ***a) Tình hình kết quả thực hiện***

- Ủy ban nhân dân xã tổ chức rà soát, đánh giá lại công tác bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng đối với các hệ thống đang sử dụng (Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, thư điện tử công vụ, chữ ký số và các thiết bị đầu cuối). Qua rà soát, không phát hiện lỗ hổng nghiêm trọng hoặc sự cố tấn công mạng gây mất an toàn dữ liệu; các tồn tại nhỏ liên quan đến cấu hình thiết bị, cập nhật phần mềm diệt virus, thay đổi mật khẩu định kỳ đã được khắc phục kịp thời.

- Cán bộ, công chức được quán triệt thực hiện nghiêm quy định về bảo mật thông tin, sử dụng chữ ký số, quản lý tài khoản, mật khẩu; thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn. Công tác bảo đảm an toàn

thông tin được duy trì thường xuyên, không để xảy ra vụ việc mất an toàn thông tin trên địa bàn.

- Hoàn thành Hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn Hệ thống mạng nội bộ (LAN) của UBND xã Vĩnh Thông, đồng thời gửi Công an tỉnh phê duyệt và triển khai Phươn án ứng phó sự cố theo quy định.

b) Nhận xét, đánh giá

\* Kết quả đạt được: Công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại UBND xã được quan tâm triển khai; hệ thống mạng nội bộ (LAN) của cơ quan đã hoàn thành lập hồ sơ đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và trình Công an tỉnh phê duyệt. Cán bộ, công chức cơ bản thực hiện nghiêm các quy định về sử dụng hệ thống thông tin, chữ ký số và bảo vệ bí mật nhà nước trong quá trình xử lý công việc trên môi trường điện tử.

\* Tồn tại, hạn chế:

- Một số thiết bị công nghệ thông tin được trang bị từ các năm trước nên hiệu năng khai thác chưa cao, chưa đáp ứng tốt yêu cầu vận hành các ứng dụng mới và các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin hiện nay.

- Công tác cập nhật kiến thức, bồi dưỡng chuyên môn về an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức chưa được tổ chức thường xuyên; kỹ năng nhận diện, phòng ngừa các nguy cơ mất an toàn thông tin của một số cán bộ còn hạn chế.

\* Khó khăn, vướng mắc:

- Nguồn kinh phí dành cho đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin và các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin còn hạn chế; việc thay thế, nâng cấp thiết bị chưa được thực hiện đồng bộ.

- Đội ngũ cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về công nghệ thông tin tại cấp xã còn mỏng, chủ yếu thực hiện kiêm nhiệm nên việc theo dõi, quản trị, giám sát an toàn hệ thống thông tin còn gặp khó khăn.

\* Nguyên nhân:

- Hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư theo từng giai đoạn, phụ thuộc vào nguồn kinh phí được phân bổ nên chưa bảo đảm tính đồng bộ.

- Nhận thức và điều kiện tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên sâu về an toàn thông tin của cán bộ, công chức còn hạn chế; công tác đào tạo, cập nhật kiến thức chưa được tổ chức thường xuyên ở cấp cơ sở.

\* Giải pháp:

- Tiếp tục rà soát, đánh giá hiện trạng hệ thống mạng nội bộ và các thiết bị công nghệ thông tin; từng bước đề xuất nâng cấp, thay thế các thiết bị không còn đáp ứng yêu cầu nhằm bảo đảm hiệu quả vận hành và an toàn hệ thống thông tin.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến và tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn về an toàn thông tin mạng cho cán bộ, công chức; nâng cao ý

thức và kỹ năng phòng ngừa, xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin trong quá trình sử dụng hệ thống.

- Đẩy mạnh phối hợp với các sở, ngành cấp tỉnh trong việc hướng dẫn, kiểm tra, hỗ trợ kỹ thuật nhằm bảo đảm hệ thống thông tin của đơn vị được vận hành an toàn, ổn định.

\* Trách nhiệm: Phòng VH-XH chịu trách nhiệm tham mưu cho UBND xã trong việc tổ chức quản lý, vận hành hệ thống mạng nội bộ và triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin theo quy định. Trong thời gian tới, đơn vị sẽ tiếp tục tăng cường công tác quản lý, chủ động khắc phục những tồn tại, hạn chế nêu trên; đồng thời phối hợp với các cơ quan chuyên môn để từng bước nâng cao mức độ an toàn, ổn định của hệ thống thông tin phục vụ hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương.

## **6. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

### **6.1. Tình hình, kết quả thực hiện**

- Việc hoạt động của doanh nghiệp KHCN, ĐMST, CDS: Trên địa bàn xã không có doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực KHCN, ĐMST, CDS.

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh cá thể, chưa hình thành mô hình doanh nghiệp chuyên sâu về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Về thúc đẩy các mô hình hợp tác 3 Nhà và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, đô thị thông minh:

- Trên địa bàn xã chưa hình thành mô hình hợp tác “Nhà nước - Nhà khoa học - Doanh nghiệp” theo quy mô chính thức; chưa có khu công nghệ cao, khu đô thị thông minh. Xã chủ yếu thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin, chính sách hỗ trợ khi có nhu cầu.

- Việc tích hợp, ứng dụng AI vào các lĩnh vực quản lý nhà nước: Ủy ban nhân dân xã không xây dựng hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI) độc lập. Việc ứng dụng AI được triển khai ở mức hỗ trợ công việc chuyên môn thông qua các nền tảng, công cụ dùng chung và dịch vụ thuê ngoài. Hiện nay, xã sử dụng một số công cụ hỗ trợ dựa trên công nghệ AI phục vụ tra cứu thông tin, tổng hợp tài liệu, soạn thảo văn bản. Việc sử dụng các công cụ này nhằm nâng cao hiệu quả xử lý công việc, rút ngắn thời gian tham mưu, tổng hợp báo cáo. Quá trình khai thác, sử dụng bảo đảm tuân thủ quy định về bảo mật thông tin; không nhập, xử lý dữ liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước hoặc thông tin nhạy cảm trên các nền tảng bên ngoài hệ thống quản lý chính thức.

### **6.2. Nhận xét, đánh giá**

\* Kết quả đạt được: Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số được quan tâm; môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn ổn định; chính quyền địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động.

\* Tồn tại, hạn chế: Chưa có doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ, công nghệ cao, đổi mới sáng tạo; chưa hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo ở quy mô địa phương.

\* Khó khăn, vướng mắc: Quy mô kinh tế nhỏ; số lượng doanh nghiệp, Hợp tác xã, hộ kinh doanh rất hạn chế; lĩnh vực sản xuất, kinh doanh chủ yếu là nông, lâm nghiệp, do đó chưa thu hút được nguồn nhân lực chất lượng cao và các dự án công nghệ.

\* Nguyên nhân: Địa bàn xã không phải khu vực trung tâm kinh tế, công nghiệp; điều kiện hạ tầng và thị trường còn hạn chế; nhu cầu đầu tư lĩnh vực công nghệ cao chưa phát sinh.

\* Giải pháp: Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tạo điều kiện thuận lợi về thủ tục hành chính; phối hợp với cơ quan chuyên môn cấp trên để hỗ trợ khi có tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

\* Trách nhiệm: Phòng VH-XH chịu trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân xã trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp theo thẩm quyền; kịp thời báo cáo, đề xuất cơ quan cấp trên các giải pháp thúc đẩy phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ khi có phát sinh.

## **7. Về nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế trong phát triển KHCN, ĐMST, CDS**

### **7.1. Tình hình, kết quả thực hiện**

- Việc bảo đảm nhân lực chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số theo quy định của pháp luật; thực hiện bồi dưỡng, cập nhật kiến thức KHCN, ĐMST, kỹ năng số: UBND xã đã bố trí cán bộ chuyên trách phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại cơ quan theo quy định. Cán bộ, công chức của xã được tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng về chuyển đổi số, kỹ năng số và an toàn thông tin do cấp trên tổ chức, góp phần nâng cao năng lực ứng dụng công nghệ trong thực hiện nhiệm vụ. Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của xã được duy trì hoạt động ổn định, bảo đảm giải quyết thủ tục hành chính liên tục, thông suốt trên môi trường điện tử.

- Việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách về chuyển đổi số và an toàn thông tin: Cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và cán bộ phụ trách an toàn thông tin của xã được cử tham gia đầy

đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng do các cơ quan cấp trên tổ chức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng quản trị hệ thống và bảo đảm an toàn thông tin.

- Việc tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, người dân và phát huy vai trò Tổ công nghệ số cộng đồng: Đã tham mưu UBND xã duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn nhằm hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số, dịch vụ công trực tuyến và các nền tảng số phục vụ đời sống.

## **7.2. Nhận xét, đánh giá**

\* Kết quả đạt được: Đội ngũ cán bộ, công chức từng bước được nâng cao nhận thức và kỹ năng về chuyển đổi số; cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu tham mưu, triển khai các nhiệm vụ liên quan tại cơ quan.

\* Tồn tại, hạn chế: Trình độ chuyên sâu về công nghệ thông tin và an toàn thông tin của cán bộ tại cấp xã còn hạn chế; việc cập nhật kiến thức, kỹ năng mới về công nghệ chưa được thực hiện thường xuyên.

\* Khó khăn, vướng mắc: Nguồn nhân lực có chuyên môn sâu về công nghệ thông tin tại cơ sở còn ít; điều kiện tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu còn hạn chế.

\* Nguyên nhân: Công tác công nghệ thông tin và chuyển đổi số tại cấp xã chủ yếu do số lượng cán bộ ít, nhiều nhiệm vụ kiêm nhiệm; nguồn lực dành cho đào tạo, bồi dưỡng còn hạn chế.

\* Giải pháp khắc phục: Tiếp tục cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số và an toàn thông tin do cấp trên tổ chức; tăng cường tự học, cập nhật kiến thức mới về công nghệ nhằm nâng cao năng lực chuyên môn.

\* Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế: Phòng VH-XH chịu trách nhiệm trong việc tham mưu UBND xã nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; đồng thời tiếp tục chỉ đạo các bộ phận chuyên môn khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thời gian tới.

## **8. Về công tác phòng, chống lãng phí**

### **8.1. Tình hình, kết quả thực hiện**

UBND xã quán triệt nghiêm các quan điểm, chỉ đạo của Trung ương và của đồng chí Tổng Bí thư về nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực, gắn với thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí trong hoạt động của cơ quan.

- Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, UBND xã chú trọng kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng các nguồn lực, đặc biệt là nguồn lực con người, thời gian và kinh phí; phân công nhiệm vụ rõ ràng, bảo đảm sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ, công chức, hạn chế tình trạng chồng chéo, lãng phí nguồn lực.

- Người đứng đầu cơ quan thường xuyên chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn chủ động rà soát, kịp thời nhận diện các nguy cơ có thể dẫn đến lãng phí trong quá trình thực hiện nhiệm vụ; đồng thời đề ra các giải pháp phòng ngừa, khắc phục

ngay từ đầu, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực tại địa phương.

### **8.2. Nhận xét, đánh giá**

\* Ưu điểm: Công tác thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí được quan tâm chỉ đạo; việc sử dụng nguồn lực trong cơ quan cơ bản bảo đảm hiệu quả, đúng quy định.

\* Tồn tại, hạn chế: Công tác rà soát, đánh giá nguy cơ phát sinh lãng phí trong một số lĩnh vực đôi khi chưa được thực hiện thường xuyên.

\* Khó khăn, vướng mắc: Khối lượng công việc tại cơ sở nhiều trong khi số lượng cán bộ, công chức còn hạn chế.

\* Nguyên nhân: Công tác phòng, chống lãng phí trong một số nội dung chưa được quan tâm đúng mức; việc theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực đôi khi chưa kịp thời.

\* Giải pháp khắc phục: Tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hành tiết kiệm, phòng chống lãng phí; nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức trong sử dụng hiệu quả các nguồn lực.

\* Trách nhiệm: Phòng VH-XH chịu trách nhiệm tham mưu UBND xã tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị chuyên môn nghiêm túc khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng các nguồn lực trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

## **9. Các nhiệm vụ trọng tâm, liên ngành**

9.1. Đẩy mạnh công tác CCHC theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, xử lý hồ sơ và theo dõi, giám sát quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

9.2. Khai thác, sử dụng lại dữ liệu hiệu quả, tạo thuận lợi tối đa cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

9.3. Chuyển đổi số được triển khai gắn với hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan, từng bước nâng cao hiệu quả xử lý công việc trên môi trường điện tử, đồng thời phát huy vai trò hỗ trợ của các lực lượng tại cơ sở trong việc hướng dẫn người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số.

9.4. Hạ tầng kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số tiếp tục được rà soát, duy trì và từng bước hoàn thiện, bảo đảm đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin, nền tảng số và các nhiệm vụ phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

## **II. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

Cấp ủy, chính quyền xã Vĩnh Thông đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo chỉ đạo của cấp trên; chủ động rà soát, xác định các nhiệm vụ trọng tâm phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương để tổ chức triển khai thực hiện. Người đứng

đầu cơ quan đã chỉ đạo phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bộ phận chuyên môn, bảo đảm rõ trách nhiệm trong quá trình tổ chức thực hiện; chủ động đề xuất, triển khai các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền, không trông chờ hoàn toàn vào sự phân công của Ban Chỉ đạo.

### **III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, ĐIỂM NGHẼN**

#### **1. Về hạ tầng số, hệ thống và nền tảng**

- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh chưa liên thông, đồng bộ với các Hệ thống thông tin của các Bộ, ngành, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (cơ sở dữ liệu về dân cư, đất đai, hộ tịch), ảnh hưởng đến quá trình khai thác, sử dụng lại dữ liệu, tỷ lệ số hóa, thanh toán trực tuyến.

- Trên địa bàn xã Vĩnh Thông còn 05 thôn lǝm sóng, sóng yếu; 01 thôn trắng sóng di động;

- 100% các thôn chưa có dịch vụ mạng 5G.

- Trên địa bàn xã không có doanh nghiệp công nghệ số.

#### **2. Về tạo lập hồ sơ điện tử và công tác số hóa**

- Việc tạo lập hồ sơ lưu trữ điện tử đối với CBCCVC chưa được triển khai do kịp thời (đến tháng 4/2026 Sở Nội vụ mới có Hội nghị tập huấn, hướng dẫn triển khai).

- Việc số hóa tài liệu chưa được triển khai đồng bộ, đặc biệt đối với tài liệu lưu trữ của các xã (từ thời điểm trước sáp nhập) vẫn còn lưu trữ dưới dạng hồ sơ giấy, khối lượng lớn, cần nhiều thời gian và nguồn lực để thực hiện.

#### **3. Về nguồn lực, tổ chức thực hiện**

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCCVC, đặc biệt là thành viên Tổ CNS cộng đồng chưa được tổ chức thường xuyên.

- Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi còn hạn chế.

- Chưa có cơ chế hỗ trợ hoạt động cho Thành viên Tổ CNS cộng đồng.

### **IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

#### **1. Đối với các nhiệm vụ cần chỉ đạo thống nhất**

Đề nghị các bộ, ngành Trung ương và cơ quan chuyên môn cấp trên tiếp tục chỉ đạo thống nhất trong việc hoàn thiện, vận hành ổn định các hệ thống thông tin dùng chung, đặc biệt là Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và các nền tảng thanh toán trực tuyến, bảo đảm hoạt động thông suốt, hạn chế phát sinh lỗi kỹ thuật trong quá trình sử dụng.

#### **2. Đối với các nội dung cần hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách**

- Đề nghị tiếp tục rà soát, hoàn thiện quy định về cung cấp dịch vụ công trực tuyến, từng bước nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình.

- Có cơ chế hỗ trợ thành viên Tổ CNS cộng đồng cấp thôn.

### **3. Đối với các nhiệm vụ cần ưu tiên về nguồn lực, hạ tầng, dữ liệu, nền tảng**

- Đề nghị quan tâm bố trí kinh phí, hỗ trợ nguồn lực để địa phương triển khai công tác số hóa tài liệu, nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin; đồng thời tăng cường tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho CBCCVC, thành viên Tổ CNS cộng đồng, người dân.

- Đề nghị UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo doanh nghiệp viễn thông đầu tư hạ tầng mạng, đảm bảo phủ sóng di động tại các thôn lờm sóng, trắng sóng, đồng thời cung cấp dịch vụ mạng 5G tại các thôn có đủ điều kiện triển khai.

### **4. Đối với công tác tổ chức thực hiện**

Đề nghị các cơ quan chuyên môn cấp trên tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh, nhất là trong quá trình vận hành các hệ thống thông tin và nền tảng số.

### **5. Đối với các nội dung thuộc thẩm quyền Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo**

Đề nghị tiếp tục quan tâm chỉ đạo, hoàn thiện đồng bộ các hệ thống thông tin, nền tảng số dùng chung; nâng cao tính ổn định, liên thông, đồng bộ dữ liệu giữa các hệ thống, tạo điều kiện thuận lợi cho địa phương trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ.

### **6. Đối với Ban Chỉ đạo**

Đề nghị tiếp tục quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Trên đây là báo cáo tiến độ triển khai các nội dung, nhiệm vụ được giao tại các Kế hoạch, Chương trình của tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn xã Vĩnh Thông (tính đến hết ngày 13/5/2026)/.

#### ***Nơi nhận:***

*Gửi bản điện tử:*

- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Đảng ủy xã Vĩnh Thông;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Chung**

**Phụ lục 1**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2026**  
**CỦA UBND XÃ**

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /5/2026 của UBND xã Vĩnh Thông)

| TT         | Chỉ tiêu                                                                                                                      | Đơn vị tính | Mục Tiêu | Kết quả (tính đến hết ngày 13/5/2026)                                         |
|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|----------|-------------------------------------------------------------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Phát triển hạ tầng</b>                                                                                                     |             |          |                                                                               |
| 1.         | Tỷ lệ phủ sóng 5G trên dân số                                                                                                 | %           | 90       | 0                                                                             |
| 2.         | Người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 1 Gb/s                                             | %           | 100      | 100                                                                           |
| 3.         | Bảo đảm hạ tầng internet cáp quang đến các thôn                                                                               | %           | 100      | 100                                                                           |
| 4.         | Cán bộ cấp xã có máy tính đáp ứng cấu hình tối thiểu và có chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc trên môi trường điện tử. | %           | 100      | 100                                                                           |
| <b>II</b>  | <b>Phát triển nguồn lực</b>                                                                                                   |             |          |                                                                               |
| 5.         | Cán bộ, công chức xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản                                                                        | %           | 100      | 100                                                                           |
| 6.         | Cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành                                  | %           | 100      | 100                                                                           |
| 7.         | Dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông                                            | %           | 80       | 70                                                                            |
| <b>III</b> | <b>Phát triển chuyển đổi số</b>                                                                                               |             |          |                                                                               |
| 8.         | Thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến                     | %           | 100      | 100                                                                           |
| 9.         | Giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”                                                                                | %           | 80       | Không phát sinh thủ tục hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc” trong kỳ báo cáo |
| 10.        | Hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành                                                                                        | %           | 100      | 100                                                                           |

| <b>TT</b> | <b>Chỉ tiêu</b>                                                                        | <b>Đơn vị tính</b> | <b>Mục Tiêu</b> | <b>Kết quả (tính đến hết ngày 13/5/2026)</b> |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------|----------------------------------------------|
|           | chính được số hóa                                                                      |                    |                 |                                              |
| 11.       | Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện     | %                  | 100             | 100                                          |
| 12.       | Hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến                                              | %                  | 100             | 100                                          |
| 13.       | Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử                                | %                  | 100             | 100                                          |
| 14.       | Duy trì tỷ lệ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến | %                  | ≥98             | 100                                          |
| 15.       | Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính, dịch vụ công          | %                  | 80              | 100                                          |

**Phụ lục 2:**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ UBND TỈNH GIAO THEO KẾ HOẠCH**  
**SỐ 144/KH-UBND NGÀY 09/4/2026 (04 nhiệm vụ).**

(Kèm theo Công văn số: /UBND-VHXH ngày /5/2026 của UBND xã Vĩnh Thông)

| STT                                                                       | Nội dung nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Cơ quan chủ trì /tham mưu       | Cơ quan phối hợp         | Sản phẩm/kết quả                                                                                                                                      | Tiến độ triển khai | Văn bản giao nhiệm vụ            |
|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------|
| <b>Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu đề ra</b>                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                 |                          |                                                                                                                                                       |                    |                                  |
| 1                                                                         | Tiếp tục triển khai sâu rộng, thực chất phong trào “Bình dân học vụ số”; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cấp xã; đồng thời chú trọng phát triển nhân lực chất lượng cao về dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, an toàn thông tin, vận hành nền tảng số và quản trị đổi mới sáng tạo                                     | Các sở, ban, ngành, địa phương  | Sở Khoa học và Công nghệ | Kế hoạch triển khai của các cơ quan, đơn vị, địa phương                                                                                               | Đang triển khai    | 13-TB/CQTT; 41-KH/TU; 35/KH-UBND |
| 2                                                                         | Giao các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, biên chế được giao, nghiên cứu, sắp xếp, tuyển dụng, bố trí cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Báo cáo kết quả, vướng mắc, khó khăn, kiến nghị đề xuất với cấp có thẩm quyền | Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã | Sở Nội vụ                | Quyết định của cơ quan có thẩm quyền về việc sắp xếp, tuyển dụng, bố trí cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyên trách về công nghệ thông tin, chuyển đổi số | Đã hoàn thành      | 13-TB/CQTT                       |
| <b>Tập trung tạo lập, hoàn thiện hạ tầng nền tảng và dữ liệu của tỉnh</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                 |                          |                                                                                                                                                       |                    |                                  |
| 3                                                                         | (3) Đẩy mạnh chuẩn hóa, làm giàu, kết nối, chia sẻ dữ liệu; bảo đảm dữ liệu phải                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Các Sở, ban, ngành, địa         | Sở Khoa học và Công nghệ | Dữ liệu bảo đảm đáp ứng yêu cầu                                                                                                                       | Đang triển khai    | 13-TB/CQTT                       |

| STT                                                             | Nội dung nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Cơ quan chủ trì /tham mưu       | Cơ quan phối hợp         | Sản phẩm/kết quả                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Tiến độ triển khai | Văn bản giao nhiệm vụ |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------|
|                                                                 | từng bước đạt yêu cầu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, phục vụ trực tiếp cho lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và phục vụ người dân, doanh nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | phương                          |                          | “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”                                                                                                                                                                                                                                                                               |                    |                       |
| <b>Rà soát, đánh giá tiến độ thực hiện các nhiệm vụ đã giao</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                 |                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                    |                       |
| 4                                                               | Yêu cầu các cơ quan, đơn vị: (1) chủ động rà soát toàn bộ các nhiệm vụ được giao; đề ra giải pháp cụ thể, quyết liệt nhằm đẩy nhanh tiến độ, bảo đảm chất lượng thực hiện. Đối với các nhiệm vụ theo kế hoạch hoàn thành trong quý III, quý IV năm 2026, yêu cầu hoàn thành sớm ít nhất 01 quý so với kế hoạch ban đầu, trừ các nhiệm vụ có tính chất đặc thù, phụ thuộc quy trình, thủ tục theo quy định; tập trung cao độ, ưu tiên bố trí nguồn lực để hoàn thành các nội dung trọng tâm ngay trong quý II năm 2026 | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Sở Khoa học và Công nghệ | Kế hoạch chi tiết điều chỉnh tiến độ Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 41-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 35/KH-UBND của UBND tỉnh triển khai thực hiện Đề án số 22-ĐA/TU của BCH Đảng bộ tỉnh về phát triển KCN, ĐMST và CDS tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026-2030, năm 2026; bảo đảm đáp ứng yêu cầu | Đã hoàn thành      | 13-TB/CQTT            |

**Phụ lục 3:**  
**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ UBND TỈNH GIAO**  
**THEO KẾ HOẠCH SỐ 209/KH-UBND NGÀY 31/12/2025 (06 nhiệm vụ).**  
*(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /5/2026 của UBND xã Vĩnh Thông)*

**DANH MỤC NHIỆM VỤ CẤP XÃ NĂM 2026**

| STT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Người đứng đầu chịu trách nhiệm | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp              | Kết quả thực hiện | Thời gian thực hiện      | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-----------------|-------------------------------|-------------------|--------------------------|---------|
| 1.  | Rà soát, nâng cấp và bảo đảm điều kiện tối thiểu phục vụ chuyển đổi số: (1) Đường truyền và kết nối mạng ổn định, chữ ký số cá nhân; (2) Trang bị máy tính cấu hình tối thiểu và thiết bị làm việc thiết yếu; (3) Bố trí cán bộ phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số phù hợp với khối lượng công việc. | Chủ tịch UBND xã, phường        | UBND xã, phường | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Hoàn thành        | Quý II năm 2026          |         |
| 2.  | Tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức về ứng dụng công nghệ số, kỹ năng số.                                                                                                                                                                                                                                | Chủ tịch UBND xã, phường        | UBND xã, phường | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Đang triển khai   | Quý II, quý III năm 2026 |         |
| 3.  | Triển khai hệ thống phòng họp không giấy thông minh cấp xã.                                                                                                                                                                                                                                                    | Chủ tịch UBND xã, phường        | UBND xã, phường | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Đang triển khai   | Quý III năm 2026         |         |
| 4.  | Ứng dụng công nghệ, AI, IoT trong nông nghiệp (thí điểm 3 mô hình, sau đó nhân rộng): tưới tiêu thông minh, quản lý nguồn nước, phòng trừ sâu bệnh, quản lý dinh                                                                                                                                               |                                 |                 | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Đang triển khai   |                          |         |

| <b>STT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>                                                                                             | <b>Người đứng đầu chịu trách nhiệm</b> | <b>Cơ quan chủ trì</b> | <b>Cơ quan phối hợp</b>       | <b>Kết quả thực hiện</b> | <b>Thời gian thực hiện</b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|------------------------|-------------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------|
|            | đưỡng trong đất; gắn với sản phẩm ở xã nào thì xã sẽ lựa chọn phạm vi và đề xuất.                               | Chủ tịch UBND xã, phường               | UBND xã, phường        |                               |                          | Quý III năm 2026           |                |
| 5.         | Xây dựng chuỗi cung ứng thông minh cho các sản phẩm OCOP (tối ưu hóa chi phí, chất lượng, truy xuất nguồn gốc). | Chủ tịch UBND xã, phường               | UBND xã, phường        | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Đang triển khai          | Quý III năm 2026           |                |
| 6.         | Đầu tư, nâng cấp hệ thống trang thiết bị cho Trung tâm hành chính công cấp xã.                                  | Chủ tịch UBND xã, phường               | UBND xã, phường        | Các cơ quan, đơn vị liên quan | Hoàn thành               | Quý III năm 2026           |                |